

Số: 42/TB-KL

Tuy Đức, ngày 08 tháng 11 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

1. Tổ chức có tài sản đấu giá: Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

2. Tài sản đấu giá gồm:

* **Lâm sản:** 14,294 m³ (Mười bốn phẩy hai chín tư mét khối) gỗ tròn, gỗ xẻ các loại từ nhóm I, III, V, VI, VII, VIII và 24,133Ster củi nhóm V-VIII

* **Phương tiện, công cụ:** 06 chiếc xe máy độ chế không có giấy tờ đăng ký theo quy định; 01 dao rựa phát cán tre, lưỡi sắt dài 25cm

3. Tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

Tổng tiền: 55.279.000 đồng. Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng. (Kèm Biên bản định giá khởi điểm TSTT bán sung quỹ Nhà nước ngày 07/11/2019)

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm:

- a. Có cơ sở, vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá tài sản;
- b. Phương án đấu giá tài sản khả thi, hiệu quả;
- c. Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản;
- d. Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp theo quy định hiện hành;
- đ. Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp hoặc Sở Tư pháp tại nơi đơn vị đăng ký công bố;
- e. Ngoài các tiêu chí nêu trên, Bộ hồ sơ năng lực của Tổ chức đấu giá bao gồm:
 - Bản sao chứng thực đăng ký kinh Doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập có ngành nghề kinh doanh phù hợp theo quy định của pháp luật.
 - Bản cam kết của tổ chức đấu giá về tiến độ thực hiện tổ chức đấu giá; cam kết về thời gian đăng thông báo đấu giá trên các báo - đài theo quy định.
 - Số lượng đấu giá viên, kèm theo bằng cấp chuyên môn;
 - Các cam kết khác (nếu có);

5. Thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Từ ngày 08/11/2019 đến 17 giờ ngày 14/11/2019.



Địa chỉ: Bộ phận Hành chính tổng hợp, Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức –Thôn 1, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông; Số điện thoại: 02612 229 170.

Lưu ý: Nộp trực tiếp (không nhận hồ sơ qua đường bưu điện), Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Chứng minh nhân dân. Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được Hạt Kiểm lâm lựa chọn.

Nơi nhận:

- Trang TTĐT của CCKL Đắk Nông;
- Sở Tư pháp (bttp.stp@daknong.gov.vn);
- Lãnh đạo Hạt;
- Lưu: hồ sơ.

PHÓ HẠT TRƯỞNG



Lê Đắc Thành



BIÊN BẢN

VỀ VIỆC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM TÀI SẢN TÍCH THU BÁN SUNG QUỸ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức về việc kiện toàn Hội đồng xử lý, định giá và bán đấu giá tài sản tích thu sung vào công quỹ Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định giá các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Biên bản số 06/BB-XĐCL ngày 07/11/2019 về việc xác định tỷ lệ chất lượng còn lại giá trị tang vật đã tích thu bán sung quỹ Nhà nước.

Hôm nay, ngày 07 tháng 11 năm 2019. Tại Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức. Chúng tôi gồm:

I/ Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức:

- Ông : Lê Đắc Thành - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng.
- Bà: Lê Thị Hồng Nhung - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

II/ Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tuy Đức:

- Bà: Mạnh Thị Thanh Tâm - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

III/ Phòng Tư pháp huyện Tuy Đức:

- Ông: Lê Công Tuấn - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

IV/ Phòng NN & PTNT huyện Tuy Đức:

- Ông: Hồ Đức Giáp - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

V/ Phòng Kinh tế và Hạ tầng:

- Ông: Lê Quốc Việt - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

Đã cùng nhau thống nhất xác định mức giá khởi điểm số lâm sản, phương tiện, công cụ dụng cụ bán sung công quỹ Nhà nước theo các Quyết định đã ban hành tích thu năm 2019; cụ thể như sau (có bảng kê chi tiết kèm theo):

*** Lâm sản: 14,294 m³ gỗ tròn, gỗ xẻ từ nhóm I, III, V, VI, VII, VIII; 24,133 Ster củi các loại từ nhóm V-VIII**

STT	Nhóm gỗ	Khối lượng (m ³)	Thành tiền (đồng)
I	Gỗ xẻ	11,599	30.843.874
1	Nhóm III	1,592	7.845.376
2	Nhóm VI-VIII	10,007	22.998.498
II	Gỗ tròn	2,695	8.845.920
1	Nhóm I	0,131	1.320.480
2	Nhóm III	1,116	3.191.760
3	Nhóm V-VIII	1,448	4.333.680

III	Các loại gỗ khác	24,133	14.359.135
1	Củi các loại từ nhóm V-VIII	24,133	14.359.135
	Tổng gỗ tròn, gỗ xẻ (I+II)	14,294	39.689.794
	Tổng các loại gỗ khác (III)	24,133	14.359.135
	Làm tròn		54.049.000

*** Phương tiện, công cụ dụng cụ:**

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền (đồng)
1	Xe máy độ chế	Chiếc	06	1.200.000
2	Dao rựa cán tre , lưỡi sắt dài 25cm	Cái	01	30.000
	Tổng cộng		07	1.230.000

Tổng giá trị: 55.279.000 đồng . Bằng chữ: (Năm mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn).

Biên bản kết thúc cùng ngày, đã thông nội dung; hội đồng thống nhất và ký tên./.

HẠT KIỂM LÂM

PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH







Lê Thị Hồng Nhung

Lê Đắc Thành

Mạnh Thị Thanh Tâm

PHÒNG KINH TẾ & HẠ TẦNG

PHÒNG TƯ PHÁP

PHÒNG NN&PTNT







Lê Quốc Việt

Lê Công Tuấn

Hồ Đức Giáp

Số: 06/BB- XDCL

Tuy Đức, ngày 07 tháng 11 năm 2019

BIÊN BẢN

Về việc xác định tỷ lệ chất lượng còn lại giá trị tang vật đã tịch thu bán sung quỹ Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức về việc kiện toàn Hội đồng xử lý, định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước;

Căn cứ các Quyết định tịch thu tang vật sung quỹ Nhà nước đã ban hành năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước,

Căn cứ tình trạng thực tế tại thời điểm.

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 07/11/2019. Tại Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức. Hội đồng đánh giá chất lượng gồm có:

I/ Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức:

1. Ông : Lê Đắc Thành - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng.
2. Bà: Lê Thị Hồng Nhung - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

II/ Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tuy Đức:

1. Bà: Mạnh Thị Thanh Tâm - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

III/ Phòng Tư pháp huyện Tuy Đức:

1. Ông: Lê Công Tuấn - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

IV/ Phòng NN & PTNT huyện Tuy Đức:

1. Ông: Hồ Đức Giáp - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

V/ Phòng Kinh tế và Hạ tầng:

1. Ông: Lê Quốc Việt - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

Đã cùng nhau thống nhất đánh giá chất lượng lâm sản tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước theo các biên bản kiểm tra, Quyết định đã ban hành tịch thu năm 2019, cụ thể như sau:

* **Lâm sản: 14,294 m³ gỗ tròn, gỗ xẻ từ nhóm I, III, V, VI, VII, VIII**

- **Gỗ xẻ: 11,599 m³**

Gỗ Bằng lăng Nhóm III KL: 1,592 m³ Chất lượng còn lại: 70%.

Gỗ Phay	Nhóm VI	KL: 1,518 m ³	Chất lượng còn lại: 80%.
Gỗ Phay	Nhóm VI	KL: 6,977 m ³	Chất lượng còn lại: 80%.
Gỗ SP	Nhóm VI	KL: 0,363 m ³	Chất lượng còn lại: 60%.
Gỗ SP	Nhóm VIII	KL: 1,149 m ³	Chất lượng còn lại: 65%.
- Gỗ tròn: 2,695 m³			
Gỗ Gõ đỏ	Nhóm I	KL: 1,131 m ³	Chất lượng còn lại: 90%.
Gỗ Bàng lãng	Nhóm III	KL: 1,116 m ³	Chất lượng còn lại: 65%.
Gỗ Chò xót	Nhóm V	KL: 1,119 m ³	Chất lượng còn lại: 80%.
Gỗ SP	Nhóm VIII	KL: 0,329 m ³	Chất lượng còn lại: 60%.

*** Các loại gỗ khác:**

Củ nhóm VIII: 24,133 Ster, đang sử dụng tốt

*** Phương tiện:**

- 06 chiếc xe máy độ chế, không có giấy tờ đăng ký theo quy định
- + Tình trạng: Xe đã cũ, móp méo, hư hỏng, không hoạt động được.

*** Công cụ:**

- 01 dao rựa cán tre, lưỡi sắt dài 25cm
- + Tình trạng: Dao rựa cũ, để lâu nên hư hỏng, rỉ sét.

Do khối lượng gỗ tịch thu trên là gỗ tròn, gỗ hộp có khối lượng lớn, khi phát hiện đã là gỗ cũ, không có kho bảo quản mà phải để ngoài trời, bị tác động thời tiết nắng, mưa trong thời gian dài. Vì vậy, gỗ bị bị cong, vênh, nứt nẻ nhiều..... làm giảm chất lượng.

Biên bản kết thúc lúc 15 giờ 00 phút cùng ngày, được thông qua nội dung đánh giá chất lượng, hội đồng nhất trí nội dung và cùng ký tên./.

HẠT KIỂM LÂM

PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH



Lê Thị Hồng Nhung



Lê Đức Thành



Mạnh Thị Thanh Tâm

PHÒNG TƯ PHÁP

PHÒNG NN&PTNT

PHÒNG KINH TẾ & HẠ TẦNG



Lê Công Tuấn



Hồ Đức Giáp



Lê Quốc Việt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢNG KÊ CHI TIẾT GIÁ TRỊ TÀI SẢN TỊCH THU**

(Kèm theo biên bản định giá khởi điểm số 06/BB-ĐG ngày 07/10/2019)

STT	Tên tài sản	Khối lượng (m3)/Ster	% chất lượng còn lại	Đơn giá (đồng)	Tổng giá trị (đồng)	Nơi bảo quản	Biên bản VPHC		Quyết định xử lý	
							Số	Ngày	Số	Ngày
A	GỖ NHÓM I	0,131			1.320.480					
1	Gỗ tròn Gỗ đỏ nhóm I, 25cm=<D<50cm	0,131	90%	11.200.000	1.320.480	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000535	26/08/2019	001257	30/08/2019
B	GỖ NHÓM III	2,708			11.037.136					
1	Gỗ xẻ bằng lạng nhóm III	0,156	70%	7.040.000	768.768	KLĐB xã Đăk Ngo	000643	05/06/2019	000344	08/07/2019
2	Gỗ tròn bằng lạng nhóm III	1,116	65%	4.400.000	3.191.760	Trạm KLĐB Quảng Trục	000526	29/06/2019	001252	15/07/2019
3	Gỗ xẻ bằng lạng nhóm III	0,129	70%	7.040.000	635.712	KLĐB xã Đăk Ngo	000501	12/06/2019	000053	15/07/2019
4	Gỗ xẻ bằng lạng nhóm III	0,579	70%	7.040.000	2.853.312	KLĐB xã Đăk Ngo	000502	12/06/2019	000054	15/07/2019
5	Gỗ xẻ bằng lạng nhóm III	0,728	70%	7.040.000	3.587.584	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000477	18/07/2019	000056	19/08/2019
C	GỖ NHÓM V - VIII	11,455			27.332.178					
1	Gỗ tròn SP nhóm VII, 25cm=<D=< 50m	0,329	60%	2.000.000	394.800	Trạm KLĐB Quảng Trục	000527	06/07/2019	000055	08/08/2019
2	Gỗ xẻ SP nhóm VIII, D>=25cm	1,149	65%	3.136.000	2.342.122	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000477	18/07/2019	000056	19/08/2019
3	Gỗ tròn Chò xốt nhóm V, D>=50cm	1,119	80%	4.400.000	3.938.880	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000479	19/07/2019	000057	19/08/2019
4	Gỗ xẻ Phay nhóm VI	1,518	80%	3.280.000	3.983.232	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000483	08/08/2019	000060	10/09/2019
5	Gỗ xẻ Phay nhóm VI	3,450	70%	3.280.000	7.921.200	Trạm KLĐB Quảng Trục	000531	08/08/2019	000061	10/09/2019
6	Gỗ xẻ Phay nhóm VI	3,527	70%	3.280.000	8.097.992	Trạm KLĐB Quảng Trục	000532	08/08/2019	000062	10/09/2019
7	Gỗ xẻ SP nhóm VI, D<25cm	0,064	60%	2.080.000	79.872	KLĐB xã Đăk Ngo	000533	12/08/2019	000063	14/09/2019
8	Gỗ xẻ SP nhóm VI, 25cm=<D<50cm	0,299	60%	3.200.000	574.080					
C	Các loại gỗ khác	24,133			14.359.135					
1	Củi các loại từ nhóm V-VIII	2,550		595.000	1.517.250	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000480	23/07/2019	001253	30/07/2019
2	Củi các loại từ nhóm V-VIII	9,200		595.000	5.474.000	Trạm KLĐB Quảng Trục	000530	08/08/2019	001255	15/08/2019
3	Củi SP nhiều quy cách nhóm VI	6,783		595.000	4.035.885	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000479	19/07/2019	000058	19/08/2019
4	Củi các loại từ nhóm V-VIII	5,600		595.000	3.332.000	Trạm KLĐB Quảng Trục	000529	07/08/2019	000059	10/09/2019
	Cộng lâm sản	14,294			39.689.794					
	Cộng củi các loại	24,133			14.359.135					

STT	Tên tài sản	Khối lượng (m ³)/Ster	% chất lượng còn lại	Đơn giá (đồng)	Tổng giá trị (đồng)	Nơi bảo quản	Biên bản VPHC		Quyết định xử lý	
							Số	Ngày	Số	Ngày
Tổng cộng					54.048.929					
Làm tròn					54.049.000					

Số tiền ghi bằng chữ: (Năm mươi tư triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng chẵn).

Tuy Đức, ngày 07 tháng 11 năm 2019

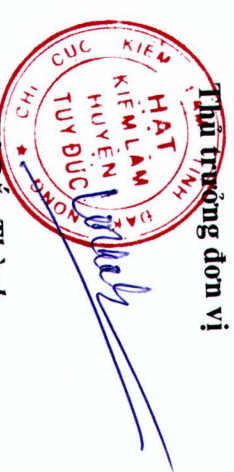
Phòng Nông nghiệp & PTNT

Phòng Tài chính - Kế hoạch

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị



Hồ Đức Giáp

Mạnh Thị Thanh Tâm

Lê Thị Hồng Nhung

Lê Đức Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT

(Kèm theo biên bản định giá khởi điểm số 06/BB-ĐG ngày 07/10/2019)

STT	Số Quyết định	Ngày QĐ	ĐVT	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, biển số	Số tiền	Nơi bảo quản
1	816	17/05/2019	Con	01	Dao rựa cán tre, lưỡi sắt dài 25cm	30.000	Hạt Kiểm lâm
2	422	14/06/2019	Chiếc	01	Xe máy độ chế	200.000	Trạm Quảng Trục
3	423	14/06/2019	Chiếc	01	Xe máy độ chế	200.000	Trạm Quảng Trục
4	344	08/07/2019	Chiếc	01	Xe máy độ chế	200.000	KLDB Đắc Ngo (LT Quảng Tín cũ)
5	53	15/07/2019	Chiếc	01	Xe máy độ chế	200.000	KLDB Đắc Ngo (LT Quảng Tín cũ)
6	63	14/09/2019	Chiếc	02	Xe máy độ chế	400.000	Trạm Quảng Trục
Tổng cộng				07		1.230.000	

Số tiền ghi bằng chữ: (Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).

HẠT KIỂM LÂM




Lê Thị Hồng Nhung **Lê Đắc Thành**

PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH


Mạnh Thị Thanh Tâm

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG


Lê Quốc Việt

PHÒNG TƯ PHÁP


Lê Công Tuấn

PHÒNG NN & PTNT


Hồ Đức Giáp